

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo
giai đoạn 2011-2016 thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP
ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2016 thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 về Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TNTN NĐ Quốc hội;
- UBND các tỉnh/TP;
- Sở GDĐT các tỉnh/TP;
- Các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, TH, VPBCSD.

đề
báo
cáo

BỘ TRƯỞNG



Phạm Vũ Luận

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2016 thực hiện

Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1666/QĐ-BGDĐT
ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội.

Phát triển quy mô, cơ cấu giáo dục hợp lý, hài hòa, đảm bảo công bằng xã hội tương ứng với các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giáo dục mầm non

Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015; tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ phát triển hài hòa về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp 1; giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 10% vào năm 2015.

b) Giáo dục phổ thông

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập của nhân dân, phấn đấu đến năm 2015: có 70% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày, 30% học sinh trung học cơ sở và 25% học sinh trung học phổ thông được học 2 buổi/ngày; 90% số người trong độ tuổi được học trung học cơ sở, 70% số người trong độ tuổi được học trung học phổ thông, trong đó đặc biệt chú trọng nâng tỉ lệ trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em gái; tăng cường giáo dục hoà nhập cho trẻ em khuyết tật.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, thực hiện phổ cập giáo dục trung học ở những địa phương có điều kiện.

c) Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp

Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục trung cấp chuyên nghiệp để đến năm 2015 thu hút được 15% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung cấp chuyên nghiệp và đảm bảo 95% học sinh tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp có việc làm được doanh nghiệp và cơ quan sử dụng lao động đánh giá đáp ứng yêu cầu công việc.

d) Giáo dục đại học

Nâng số sinh viên trên một vạn dân lên 300 vào năm 2015; tăng tỉ lệ sinh viên là người dân tộc thiểu số, đặc biệt là sinh viên dân tộc rất ít người và sinh viên nữ. Mở rộng quy mô hợp lý trên cơ sở các điều kiện bảo đảm chất lượng. Đồng thời với việc nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Xây dựng Luật giáo dục đại học, đổi mới quản lý để nâng cao chất lượng đào tạo trong toàn hệ thống.

Phát triển giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đảm bảo tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 50% vào năm 2015.

e) Giáo dục thường xuyên

Phát triển giáo dục thường xuyên tạo cơ hội cho mọi người có thể học tập suốt đời phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình, thúc đẩy xây dựng xã hội học tập. Duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ. Phấn đấu đến năm 2015, tỉ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên là 96% và tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 là 98%; 100% số xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng; 100% quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện; 100% tỉnh, thành phố có trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.

Nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, giúp người học có kiến thức, kỹ năng thiết thực để tăng thu nhập hoặc chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Triển khai đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo

a) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương VI; tổ chức thực hiện Đề án khi Trung ương Đảng có Nghị quyết về đổi mới giáo dục.

b) Tập trung xây dựng đề trình Quốc hội thông qua Luật giáo dục đại học, xây dựng và triển khai hướng dẫn thi hành Luật. Hoàn thiện và trình Thủ

tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020; tổ chức triển khai thực hiện giai đoạn 1 Chiến lược.

c) Xây dựng Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015, trong đó xây dựng quy chế và văn bản hướng dẫn thi cho các kì thi phù hợp với Chương trình trung học phổ thông mới.

2. Đổi mới cơ chế quản lí giáo dục

a) Rà soát và tổ chức soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục trong đó ưu tiên các văn bản thực hiện Luật Giáo dục, các nghị quyết của Quốc hội về giáo dục.

b) Tăng cường phân cấp quản lí, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ban ngành và địa phương trong quản lí giáo dục theo Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ quan quản lí giáo dục địa phương; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản lí nhà nước về giáo dục đối với các loại hình giáo dục khác nhau, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

c) Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo Kết luận số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hoá một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”.

d) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lí giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012, tổng kết 3 năm thực hiện Chỉ thị này.

đ) Tăng cường quản lí nhà nước về công tác thanh tra giáo dục. Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra. Tập trung thanh tra có chiều sâu các hoạt động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành ở các cấp học, trình độ đào tạo; tăng cường kiểm tra, rà soát, chấn chỉnh các trường đại học, cao đẳng mới nâng cấp hoặc mới thành lập; thanh tra các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập và cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài. Tăng cường chỉ đạo công tác tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục. Kiện toàn tổ chức thanh tra giáo dục và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho thanh tra viên và cộng tác viên.

e) Đổi mới quy trình đăng kí xác định chỉ tiêu tuyển sinh, kiểm tra và xử lí việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo hàng năm; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện việc công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; tăng cường vai trò của các Sở Giáo dục và Đào tạo và chính quyền địa phương, các trường đại học, cao đẳng trong việc quản lí thu - chi tại các cơ sở giáo dục, xử lý nghiêm các vi phạm; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn; tăng cường quản lí và kiểm tra việc sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ODA trong giáo dục và đào tạo.

g) Thành lập Hội đồng phát triển nhân lực cấp quốc gia, cấp tỉnh, thành phố với sự tham gia của đại diện các cơ quan quản lí nhà nước liên quan, cơ sở

đào tạo và doanh nghiệp. Thành lập Hội đồng tư vấn giáo dục chuyên nghiệp tại Bộ Giáo dục và Đào tạo với sự tham gia của doanh nghiệp, bộ, ngành.

h) Đổi mới hoạt động khảo thí, kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng là công cụ để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

i) Đổi mới công tác thu thập và xử lý thông tin từ các kênh khác nhau để giải quyết kịp thời các vấn đề của ngành. Chủ động phối hợp tuyên truyền các hoạt động giáo dục tạo sự đồng thuận của xã hội.

k) Xây dựng chính phủ điện tử tại cơ quan Bộ gắn với việc thực hiện cơ chế “một cửa” và khảo sát các thủ tục hành chính.

l) Đẩy mạnh phong trào thi đua phù hợp với từng đối tượng. Đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong toàn ngành theo hướng thiết thực, hiệu quả.

3. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Hoàn thiện Đề án tiền lương ngành Giáo dục giai đoạn 2012-2020 để trình Hội nghị Trung ương 5 khóa XI xem xét. Xây dựng chế độ trợ cấp đối với giáo viên đã nghỉ hưu không được hưởng phụ cấp thâm niên.

b) Thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Giáo dục giai đoạn 2011-2020, Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm giai đoạn 2011-2020.

c) Tiếp tục xây dựng chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghiệp vụ sư phạm giáo viên các cấp; hướng dẫn cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo, cán bộ quản lý ở các bậc học, cấp học theo các chuẩn được ban hành. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra công tác bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực tin học và ngoại ngữ cho đội ngũ nhà giáo; triển khai công tác rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

d) Thực hiện đề án đào tạo trình độ tiến sĩ cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng với phương án kết hợp đào tạo trong và ngoài nước. Tập trung giao nhiệm vụ cho một số đại học, trường đại học và viện nghiên cứu lớn trong nước đảm nhiệm việc đào tạo tiến sĩ trong nước với sự tham gia của các giáo sư được mời từ những đại học có uy tín trên thế giới.

Triển khai Đề án “Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề giai đoạn 2010 - 2016”. Triển khai thực hiện chế độ hợp đồng thay cho biên chế trong tuyển dụng và sàng lọc giáo viên, giảng viên. Xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách ưu đãi, nhất là chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ nhằm khuyến khích nhà giáo, đồng thời thu hút những người có năng lực và trình độ cao, có tài năng vào đội ngũ nhà giáo; từng bước thực hiện việc hiệu trưởng quyết định mức lương cho giáo viên, giảng viên dựa trên kết quả công tác của cá nhân ở các cơ sở giáo dục.

đ) Phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu giáo dục đủ tầm để xây dựng nền khoa học giáo dục Việt Nam, tham mưu cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách giáo dục. Ưu tiên cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài về

khoa học giáo dục; đầu tư nhằm nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học của các viện và trung tâm nghiên cứu khoa học giáo dục. Có chính sách đặc biệt nhằm thu hút các nhà khoa học nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm, các trí thức Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Việt Nam.

e) Phát triển lực lượng cán bộ lãnh đạo và quản lý có tầm nhìn và năng lực thích ứng với các điều kiện thay đổi, tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành; xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đặc biệt cán bộ nữ; có chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với đội ngũ cán bộ quản lý. Xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục kí hợp đồng với các nhà giáo, nhà khoa học có uy tín và kinh nghiệm trong và ngoài nước quản lý và điều hành cơ sở giáo dục.

4. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo

a) Triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn, trong đó: thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015, bảo đảm ít nhất có 10 tỉnh, thành phố hoàn thành phổ cập vào năm 2012; 14 tỉnh, thành phố hoàn thành vào năm 2013; 29 tỉnh, thành phố hoàn thành vào năm 2014 và 10 tỉnh, thành phố hoàn thành vào năm 2015. Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Đến năm 2015, 63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, một số địa phương đạt chuẩn mức độ 2. Xây dựng kế hoạch củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2012-2020. Phấn đấu 100% xã, phường trên phạm vi toàn quốc đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2013 và tỉ lệ người trong độ tuổi 15-18 có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở đạt trên 90% vào năm 2015. Triển khai xây dựng và áp dụng Đề án xây dựng hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục - chống mù chữ.

b) Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục mầm non trên phạm vi toàn quốc. Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn. Phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc, giáo dục trẻ dưới 5 tuổi.

c) Tiếp tục rà soát lại toàn bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông, khắc phục tình trạng quá tải, nặng về lí thuyết, nhẹ về thực hành. Chú trọng thực hiện các hoạt động: giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục giá trị, giáo dục kĩ năng sống cho học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

d) Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ thông qua việc triển khai Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020".

đ) Chỉ đạo và tổ chức các kì thi cấp quốc gia và quốc tế an toàn, nghiêm túc, đảm bảo cho kết quả thi thực sự khách quan, phản ánh đúng chất lượng dạy

và học, tác động tích cực đến việc dạy và học, thực hiện các mục tiêu giáo dục. Triển khai Thông tư về đánh giá định kỳ kết quả học tập của học sinh phổ thông. Nghiên cứu và triển khai các chương trình đánh giá học sinh quốc tế: PISA, PASEC. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kì thi Olympic Hóa học quốc tế năm 2014 và Olympic Sinh học quốc tế năm 2016 tại Việt Nam.

e) Đổi mới mục tiêu, nội dung đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của người lao động. Đa dạng hóa các phương pháp giáo dục nghề nghiệp, áp dụng linh hoạt các phương pháp dạy thực hành, phát triển phương pháp tự học, tự kiến tạo tri thức và kĩ năng ở người học, phương pháp dạy theo dự án, truyền nghề... Kết hợp giữa dạy lí thuyết và dạy thực hành theo chương trình tích hợp.

g) Đổi mới chương trình giáo dục đại học theo hướng gắn với nhu cầu xã hội, tăng quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc xây dựng chương trình. Đổi mới mạnh mẽ trong đào tạo pháp luật, các chức danh tư pháp, tạo nguồn nhân lực về pháp luật, tư pháp chất lượng cao. Chuyển mạnh sang đào tạo theo học chế tín chỉ trong hệ thống đào tạo. Đến năm 2015 tất cả các trường đại học chuyển hoàn toàn sang đào tạo theo học chế tín chỉ; sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam; xây dựng khung chính sách quy định về việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ giữa các cơ sở. Hoàn thành các văn bản quy định và chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học nâng cao chất lượng đào tạo hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo liên kết, đào tạo liên thông.

Phát triển các chương trình đào tạo trình độ đại học theo 2 hướng: nghiên cứu và nghề nghiệp ứng dụng. Vận dụng có chọn lọc một số chương trình đào tạo tiên tiến của các đại học có uy tín trên thế giới vào đào tạo của một số trường đại học ở Việt Nam.

Thực hiện phân tầng giáo dục đại học. Đến năm 2015 hình thành nhóm các trường đại học định hướng nghiên cứu, đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng, các trường cao đẳng cộng đồng.

h) Phát triển các chương trình giáo dục thường xuyên, mở rộng hình thức đào tạo từ xa, vừa làm vừa học, tự học có hướng dẫn nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân.

i) Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đạo đức của học sinh, sinh viên theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, chuyển trọng tâm đánh giá nội dung học tập sang đánh giá phẩm chất và năng lực của người học, biến quá trình truyền thụ tri thức một chiều của giáo viên, giảng viên thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lí của giáo viên, giảng viên.

5. Tăng cường công tác giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên

a) Tiếp tục triển khai có hiệu quả, sáng tạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị gắn với đặc thù của ngành là thực hiện cuộc vận động "Mỗi thầy, cô

giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực". Tổng kết 5 năm thực hiện phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực".

b) Đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; tăng cường công tác quản lý, phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên. Chỉ đạo triển khai Chương trình hành động của ngành Giáo dục về phòng chống tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực, không lành mạnh giai đoạn 2011-2015. Xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích, chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Triển khai kế hoạch hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2011-2020; Chương trình hành động của ngành Giáo dục về phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng và triển khai Đề án "Tăng cường công tác phòng chống ma túy trong trường học tại các khu vực phức tạp về tệ nạn ma túy"; Đề án "Giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng chống bạo lực gia đình giai đoạn 2011-2020".

c) Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe của học sinh, sinh viên: xây dựng Đề án đổi mới việc giảng dạy môn học thể dục và các hoạt động thể thao trường học; xây dựng tiêu chí đánh giá về công tác thể dục thể thao trường học. Tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động thể thao học sinh, sinh viên ở trong nước và quốc tế.

d) Triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường giai đoạn 2010-2012. Xây dựng Đề án đến năm 2020.

6. Công tác kế hoạch, tài chính và tăng cường cơ sở vật chất

a) Chỉ đạo các địa phương áp dụng mức học phí mới từ năm học 2010-2011 nhằm đảm bảo mọi người đều được học hành, huy động ngày càng nhiều hơn và sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực của nhà nước và xã hội để tăng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục. Xây dựng các tiêu chí xác định mức tương quan giữa đầu tư, học phí và chất lượng đào tạo.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt các chính sách miễn, giảm học phí, chính sách tín dụng sinh viên nhằm đảm bảo học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách, sinh viên hoàn cảnh khó khăn có khả năng học tập đều được đi học. Mở rộng đối tượng cho vay là các giảng viên trẻ tự học cao học, nghiên cứu sinh.

c) Xây dựng và triển khai chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo 2011-2015 gắn với thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của giai đoạn.

d) Triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng; thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục trong phạm vi cả nước và từng vùng kinh tế trọng điểm. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể nhà trường giai đoạn 2012-2020.

Xây dựng Đề án “Di dời một số trường đại học và cao đẳng từ nội thành thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đến các khu quy hoạch” cùng với việc bố trí đủ nguồn kinh phí và các điều kiện khác phục vụ cho việc tổ chức di dời đạt hiệu quả; phối hợp với Bộ Xây dựng tiếp tục triển khai thực hiện đề án xây dựng kí túc xá sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Triển khai có hiệu quả Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 10/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh sinh viên giai đoạn 2011-2015.

đ) Thực hiện đổi mới phương thức giao chỉ tiêu tuyển sinh theo Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011. Rà soát quy hoạch nhu cầu nguồn nhân lực kết hợp với kế hoạch đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, TCCN để cho phép mở ngành đào tạo.

e) Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2015 cho các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ theo hướng ưu tiên đảm bảo sự công bằng xã hội; một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015.

g) Hoàn thành Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012; xây dựng và triển khai Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2013-2015. Đầu tư xây dựng, hiện đại hóa hệ thống trường trung học phổ thông chuyên. Đề án phát triển giáo dục ở 62 huyện nghèo.

h) Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và chế tài liên quan đến mua sắm, bảo quản và sử dụng thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em; tiếp tục thực hiện Đề án phát triển thiết bị dạy học tự làm giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2010-2015.

i) Xây dựng hệ thống thư viện điện tử và trung tâm học liệu của các trường đại học, các trường trung học phổ thông chuyên trong phạm vi toàn quốc; xây dựng các phòng thí nghiệm cho các trường đại học. Từng bước chuẩn hóa cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục, trong đó, tập trung đầu tư xây dựng phòng học, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, cơ sở thực hành và thiết bị dạy học ở các cấp học và cơ sở đào tạo được ưu tiên.

k) Tập trung đầu tư nhà nước và sử dụng vốn vay ODA để xây dựng một số cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ quốc tế. Năm 2015 sẽ hoàn thành việc xây dựng cơ bản 4 trường đại học Việt Nam có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại.

l) Tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị tại cơ quan Bộ đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục.

7. Đẩy mạnh đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội

a) Triển khai tích cực các hợp đồng, thỏa thuận đào tạo, sử dụng nhân lực đã kí kết. Huy động tối đa sự tham gia của các doanh nghiệp vào việc xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng và đánh giá chương trình, tuyển sinh và tổ chức

đào tạo, hỗ trợ trong việc bố trí chỗ thực tập và tuyển dụng học sinh, sinh viên tốt nghiệp. Triển khai Chỉ thị về đào tạo theo nhu cầu xã hội giai đoạn 2011-2015 sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Quy định trách nhiệm và cơ chế phù hợp để mở rộng các hình thức, nội dung liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo, sử dụng nhân lực và nghiên cứu chuyên gia công nghệ; khuyến khích mở các cơ sở giáo dục đại học trong các doanh nghiệp lớn nhằm thực hiện có hiệu quả việc cung cấp nhân lực trực tiếp cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo.

c) Hỗ trợ và khuyến khích các trường đại học, cao đẳng liên kết với đối tác nước ngoài trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ mới đáp ứng nhu cầu của xã hội.

d) Tập trung đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu khoa học mũi nhọn và phòng thí nghiệm trong các trường đại học trọng điểm.

đ) Tập trung đầu tư xây dựng và nâng cấp một số trung tâm phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực nhằm cung cấp số liệu và cơ sở khoa học cho việc hướng nghiệp.

e) Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học giáo dục, chú trọng nghiên cứu cơ bản; tập trung nguồn lực triển khai các nghiên cứu ứng dụng nhằm xây dựng những luận cứ khoa học đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và quá trình dạy học trong các nhà trường; nghiên cứu triển khai những nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ chính trị của ngành. Chuyển giao nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ đổi mới giáo dục.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ thông tin

a) Ban hành danh mục sản phẩm công nghệ thông tin dùng trong ngành Giáo dục; tuyển chọn, thẩm định và trang bị các phần mềm thiết yếu để sử dụng chung cho toàn ngành.

b) Xây dựng và triển khai mạng giáo dục, phát triển và xây dựng thư viện, nguồn tài nguyên nội dung thông tin số cho giáo dục; triển khai công nghệ giáo dục, công nghệ e-Learning để góp phần đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy; triển khai hệ thống thư viện điện tử chia sẻ dùng chung, kết nối mạng thư viện quốc tế.

c) Xây dựng chuẩn kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường phổ thông.

d) Tổ chức thẩm định về chuyên môn các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả các cấu phần công nghệ thông tin của các dự án ODA và các chương trình, đề án, dự án thuộc Bộ). Đảm bảo tính khả thi và hiệu quả hoạt động công nghệ thông tin của ngành thông qua chỉ đạo, hướng dẫn, điều phối, quản lý và giám sát chương

trình, nội dung, kế hoạch về công nghệ thông tin do Bộ triển khai; theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai, hiệu quả sử dụng trong quá trình thực hiện và sau khi kết thúc chương trình, đề án, dự án.

đ) Triển khai chương trình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin; Triển khai thí điểm mô hình trường học ảo.

9. Tăng cường hỗ trợ giáo dục, đào tạo ở vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và người học được ưu tiên

a) Phối hợp với Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ nghiên cứu, tổng kết việc thực hiện các chính sách hiện hành đối với nhà giáo và người học thuộc các dân tộc thiểu số để xử lý các bất cập, đề xuất các chính sách mới. Thực hiện cơ chế, chính sách để phát triển, giáo dục ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách giữa miền núi, miền xuôi, giữ vững an ninh, chủ quyền vùng biên giới, ổn định chính trị vùng dân tộc.

b) Triển khai thực hiện cơ chế học bổng, học phí, tín dụng và mở rộng hệ thống đào tạo dự bị đại học cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số và thuộc diện chính sách xã hội; hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật, trẻ em các dân tộc rất ít người, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV và trẻ em lang thang đường phố; cấp học bổng cho các học sinh, sinh viên xuất sắc.

c) Cung cấp sách giáo khoa và học phẩm miễn phí, hoặc giảm giá bán sách giáo khoa cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

d) Tập trung đầu tư cho phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học dân tộc và các trường phổ thông vùng dân tộc; triển khai mạnh chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn; tập trung phát triển các trường trung cấp chuyên nghiệp ở các địa phương thuộc vùng kinh tế khó khăn chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước để nâng cao chất lượng dạy học, tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở miền núi, vùng dân tộc.

đ) Triển khai Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015.

e) Nâng cao chất lượng dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc và dạy tiếng dân tộc trong trường phổ thông.

g) Giám sát, theo dõi việc thực hiện các chính sách đối với cán bộ, giáo viên công tác ở vùng dân tộc và chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc. Tăng cường dạy tiếng dân tộc cho cán bộ quản lý và giáo viên công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

10. Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng xã hội học tập

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục; triển khai thực hiện các giải pháp xã hội hóa giai đoạn 2012-2015 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020, Đề án Xóa mù chữ giai đoạn 2012-2020, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020; tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010 và triển khai Đề án mới; chỉ đạo các địa phương thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập ở các cấp, thống nhất chỉ đạo việc triển khai xây dựng xã hội học tập từ trung ương đến cơ sở.

c) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, hướng dẫn về ngân sách, tài chính cho xây dựng xã hội học tập.

d) Tuyên truyền sâu rộng cho mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm, nghĩa vụ về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Chỉ đạo các địa phương xây dựng điểm mô hình hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên theo hướng một trung tâm thực hiện 3 nhiệm vụ: giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp, dạy nghề; xã/phường/thị trấn có một trung tâm học tập cộng đồng kết hợp Nhà văn hóa, Bru điện văn hóa cấp xã. Kien toàn mô hình hoạt động của 02 Viện Đại học mở đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập.

11. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục

a) Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đem lại từ công tác hợp tác quốc tế cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học: Tranh thủ mọi nguồn viện trợ thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế, NGO để tăng cường đầu tư cho giáo dục (trong đó có công tác y tế trường học). Ưu tiên nguồn vốn ODA cho các cơ sở giáo dục, vùng còn nhiều khó khăn, các trường/đại học, viện nghiên cứu và đào tạo trọng điểm. Ưu tiên các chỉ tiêu cho các trường/đại học, viện nghiên cứu và đào tạo trọng điểm đi học tại nước ngoài theo các đề án 911, VEF, đào tạo tiến sĩ cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng. Mở rộng các chương trình liên kết.

Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và khoa học; Đề án đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (thay thế Đề án 322); Hoàn thiện quy trình tuyển chọn lưu học sinh đi học nước ngoài.

Xây dựng một số trường đại học, trung tâm nghiên cứu hiện đại để thu hút các nhà khoa học trong nước và quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

b) Tăng cường các hoạt động giao lưu, chủ động hội nhập với khu vực và thế giới: Tăng cường quan hệ hợp tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học với các nước ASEAN, các nước thành viên APEC, EU và các nước thành viên châu Âu khác, đặc biệt với các nước Hoa Kỳ, Canada, Nhật bản, Úc, Trung

Quốc, Ấn Độ. Duy trì và phát triển hợp tác truyền thống với Liên bang Nga, các nước SNG và Đông Âu, triển khai các hoạt động về tăng cường tiếng Nga trên toàn quốc. Tích cực đẩy mạnh các chương trình hợp tác với Lào, Campuchia trong công tác quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học theo thỏa thuận đã được ký kết. Nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào và Campuchia tại Việt Nam. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục; Khuyến khích các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các cơ sở giáo dục ở trong nước tham gia các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của quốc tế và của khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Khuyến khích các cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá, kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế và trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

c) Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, thông tin với các hiệp hội giáo dục khu vực và quốc tế nhằm tăng cường chất lượng đào tạo, đổi mới công tác quản lý, nghiên cứu khoa học, tiến tới thỏa thuận tương đương bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đến năm 2015, sẽ ký kết với 15 nước.

d) Thực hiện tốt các chương trình học bổng cho sinh viên nước ngoài; Quy định về việc tiếp nhận chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy nghiên cứu và gửi chuyên gia Việt Nam sang giảng dạy, làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ các cơ sở đào tạo trong việc thực hiện trao đổi giảng viên nước ngoài đến Việt Nam tham gia giảng dạy/nghiên cứu, góp phần xây dựng môi trường giáo dục quốc tế tại Việt Nam.

đ) Tăng cường đội ngũ chuyên gia giáo dục để làm nhiệm vụ quốc tế. Xây dựng cơ chế chính sách để tăng cường quản lý lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài và lưu học sinh nước ngoài ở Việt Nam.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, triển khai chương trình

a) Tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 về Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016 và Chương trình hành động này đến các đơn vị của Bộ (vào tháng 6/2012); các cơ sở giáo dục trên toàn quốc (tại Hội nghị tổng kết năm học 2011-2012 và triển khai nhiệm vụ năm học 2012-2013, vào tháng 8/2012).

b) Văn phòng Bộ phối hợp với Báo Giáo dục và Thời đại, các cơ quan thông tấn báo chí chủ động tổ chức việc tuyên truyền, giới thiệu các chủ trương, chính sách của ngành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Các sở giáo dục và đào tạo, đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu, quán triệt các nội dung Nghị quyết số 06/NQ-CP và Chương trình hành động của Bộ; xây dựng chương trình hành động cụ thể cho địa phương, đơn vị.

2. Các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai chương trình và nhiệm vụ của các đơn vị (Phụ lục kèm theo) trong từng năm phù hợp với kết quả triển khai thực tế, các điều kiện của ngành và quốc gia để đưa vào

chương trình công tác hằng năm; định kì hằng năm có báo cáo đánh giá gửi Văn phòng Bộ (chậm nhất vào ngày 30/11) để tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Kinh phí thực hiện triển khai các nội dung nhiệm vụ của Chương trình được dự toán từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục hằng năm; ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan và từ xã hội hóa giáo dục.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, xét thấy cần thiết bổ sung, sửa đổi những nội dung cụ thể trong Chương trình hành động này, Thủ trưởng các đơn vị báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

5. Chánh Văn phòng Bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình của các đơn vị, định kì báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết, bảo đảm chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

Phụ lục

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2011-2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1666/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
1.	Luật giáo dục đại học	Quốc hội	5/2012	Vụ GDDH	Vụ Pháp chế	Bộ trưởng	
2.	Đề án đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo	Ban Chấp hành TW Đảng	10/2012	Vụ TCCB	Viện KHGDVN và các đơn vị	Bộ trưởng	
3.	Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	11/2012	Viện KHGDVN	Các đơn vị	Bộ trưởng	
4.	Đề án đổi mới việc học tập các môn lí luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân	Ban Bí thư	9/2012	Vụ GDDH	Các vụ cấp học	Bộ trưởng	
5.	Nghị định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục	Chính phủ	4/2012	Vụ HTQT	Vụ KHTC	Bộ trưởng	
6.	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Chính phủ	12/2012	Vụ TCCB	Cục NGCB	Bộ trưởng	

STT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	61/2006/NĐ ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở các trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn						
7.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015	Chính phủ	9/2012	Vụ KHTC		Bộ trưởng	
8.	Nghị định quy định về thanh tra giáo dục (thay thế Nghị định số 85/2006/NĐ-CP ngày 18/8/2006 của Chính	Chính phủ	10/2012	Thanh tra		TT Nguyễn Thị Nghĩa	

STT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	phủ)						
9.	Nghị định về thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập GDTH, phổ cập GD THCS, XMC và phổ cập GDTrH ở những nơi có điều kiện (thay thế Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 22/11/2001 của Chính phủ)	Chính phủ	11/2012	Vụ GDTrH	Vụ GDMN, Vụ GDTH, Vụ GDTX	TT Nguyễn Vinh Hiên	
10.	Nghị định thay thế Nghị định số 07/2011/NĐ-CP ngày 01/02/2001 về Đại học Quốc gia	Chính phủ	12/2012	Vụ TCCB	Vụ GDĐH	TT Bùi Văn Ga	
11.	Nghị định của Chính phủ về giáo dục thể chất, thể thao trường học	Chính phủ	12/2012	Vụ CTHSSV		TT Trần Quang Quý	
12.	Nghị quyết về xây dựng hệ thống thang, bảng lương và phụ cấp theo lương của viên chức ngành giáo dục, đào tạo phục vụ Đề án cải cách tổng thể chính sách tiền lương của nhà nước sau	Chính phủ	12/2012	Vụ TCCB		Bộ trưởng	

STT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	năm 2011						
13.	Quyết định ban hành điều kiện và thủ tục thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia tách, giải thể trường đại học	Thủ tướng Chính phủ	6/2012	Vụ KHTC	Vụ GDĐH	TT Bùi Văn Ga	
14.	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020	Thủ tướng Chính phủ	4/2012	Vụ KHTC	Vụ GDĐH	TT Bùi Văn Ga	
15.	Quyết định phê duyệt Đề án Di dời một số trường đại học và cao đẳng từ nội thành thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đến các khu quy hoạch	Thủ tướng Chính phủ	4/2012	Cục CSVC		TT Bùi Văn Ga	
16.	Quyết định phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả	Thủ tướng	4/2012	Vụ KHTC		TT Bùi Văn Ga	

STT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	ĐTNN trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012-2020	Chính phủ					
17.	Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020	Thủ tướng Chính phủ	4/2012	Vụ GDTX		TT Nguyễn Vinh Hiền	
18.	Quyết định phê duyệt Đề án xóa mù chữ giai đoạn 2012-2020	Thủ tướng Chính phủ	6/2012	Vụ GDTX		TT Nguyễn Vinh Hiền	
19.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012-2015	Thủ tướng Chính phủ	6/2012	Vụ KHTC		Bộ trưởng	
20.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục và đào tạo vùng Tây Bắc giai đoạn 2012-2015	Thủ tướng Chính phủ	7/2012	Vụ KHTC		TT Nguyễn Vinh Hiền	
21.	Đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và khoa học	Thủ tướng Chính phủ	6/2012	Vụ HTQT	Vụ KH-CN	TT Bùi Văn Ga	
22.	Quyết định phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà	Thủ tướng Chính phủ	11/2012	Cục ĐTVNN		TT Bùi Văn Ga	

STT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
	nước (thay thế Đề án 322/QĐ-TTg ngày 19/4/2000)						
23.	Quyết định phê duyệt Đề án đào tạo theo chương trình tiên tiến (mở rộng)	Thủ tướng Chính phủ	9/2012	Vụ GDDH		TT Bùi Văn Ga	
24.	Quyết định phê duyệt Đề án hỗ trợ đào tạo theo chương trình định hướng nghề nghiệp ứng dụng	Thủ tướng Chính phủ	10/2012	Vụ GDDH		TT Bùi Văn Ga	
25.	Đề án về chính sách thu hút chuyên gia Việt Nam trình độ cao ở nước ngoài về tham gia quản lý và triển khai nghiên cứu khoa học, giảng dạy đại học giai đoạn 2012-2015	Thủ tướng Chính phủ	11/2012	Vụ KHCNMT	Cục ĐTVNN	TT Bùi Văn Ga	
26.	Quyết định phê duyệt Đề án phát triển giáo dục trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2012 - 2015 và đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	12/2012	Vụ GDCN		TT Bùi Văn Ga	
27.	Các văn bản hướng dẫn Luật Giáo dục đại học	Chính phủ	2012-2013	Vụ GDDH		TT Bùi Văn Ga	

STT	Nhiệm vụ	Thẩm quyền ban hành	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Ghi chú
28.	Nghị định thay thế Nghị định số 49/2005/NĐ-CP và Nghị định số 40/2011/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục	Chính phủ	2013	Thanh tra		TT Nguyễn Thị Nghĩa	
29.	Đề án phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	2013	Vụ KHCNMT	Vụ GDĐH	TT Trần Quang Quý	
30.	Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2013-2015	Thủ tướng Chính phủ	2013	Cục CSVC		Bộ trưởng	
31.	Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục	Bộ trưởng	2014	Thanh tra		TT Nguyễn Thị Nghĩa	
32.	Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015	Thủ tướng Chính phủ	2015	Thường trực Ban Chỉ đạo	Viện KHGDVN, Vụ GDTrH, Vụ GDTH và các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	